

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-04-2021

“ V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Thanh Phong  
Ông Nguyễn Văn Trung

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố H, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thi Thị Ngọc N, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Dương Quốc V, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thi Thị Ngọc N trình bày:* Năm 2020 chị và anh Dương Quốc V chung sống như vợ chồng không tổ chức đám cưới và chưa đăng ký kết hôn. Khi chị mang thai được 03 tháng thì chị và anh V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V có người phụ nữ khác bên ngoài, không còn quan tâm chăm sóc chị nữa. Chị cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng anh V không hề có ý định hàn gắn cho đến khi chị sinh con được 02 tháng thì anh V công khai qua lại với người phụ nữ khác nên chị và anh V sống ly thân nhau. Nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa vì mâu thuẫn trầm trọng nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết với những nội dung sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Quốc V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Thi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/9/2020, hiện con còn rất nhỏ và đang sống cùng với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh Dương Quốc V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian tính từ tháng 03/2021. Nhưng nay nhận thấy anh V làm ăn khó khăn nên chị xin thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, chị chỉ yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí chị thống nhất chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn anh Dương Quốc V trình bày tại các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án như sau:* Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị Thi Thị Ngọc N. Năm 2020, anh và chị Ngọc N chung sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn. Khi chung sống thì anh phát hiện giữa anh và chị Ngọc N không hợp nhau, thường xuyên bắt đồng quan điểm, không hàn gắn được, mỗi người có suy nghĩ và lối sống khác nhau không hòa hợp. Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa vì mâu thuẫn trầm trọng nên anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân : Anh thống nhất ly hôn với chị Thi Thị Ngọc N.

- Về con chung: Anh và chị Ngọc N có 01 con chung tên Thi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/9/2020, con hiện đang sống cùng chị Ngọc N nên anh thống nhất giao con chung cho chị Thi Thị Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí anh thống nhất chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Thị Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vì anh, chị bận đi làm không tham gia phiên tòa được. Xét thấy việc đề nghị vắng mặt của anh, chị là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Về hôn nhân: Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V cùng xác định việc chung sống giữa anh chị không hòa hợp có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên cả hai anh, chị đều thống nhất ly hôn. Tuy nhiên xét về quan hệ hôn nhân của chị Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V là hôn nhân không hợp pháp, vì anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Do đó, Hội đồng xét xử xét tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V là phù hợp.

- Về con chung: Chị Thị Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V tự nguyện thỏa thuận: Chị Thị Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Thị Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/9/2020, con hiện đang sống cùng chị Ngọc N và anh Dương Quốc V thống nhất giao con chung cho chị Thị Thị Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng, anh Dương Quốc V đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021. Chị Thị Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Dương Quốc V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con của chị Thị Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V là hoàn toàn phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh chị.

- Về tài sản chung: Chị Thi Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị Thi Thị Ngọc N thống nhất chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0008898 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; chị Ngọc N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

- Bị đơn anh Dương Quốc V thống nhất chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thi Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thi Thị Ngọc N và anh Dương Quốc V.

Chị Thi Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Thi Ngọc Linh Đ, sinh ngày 26/9/2020, con hiện đang sống cùng chị Ngọc N nên anh Dương Quốc V thống nhất giao con chung cho chị Thi Thị Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Thi Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Dương Quốc V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Dương Quốc V đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Thi Thị Ngọc N chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0008898 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; chị Ngọc N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

- Bị đơn anh Dương Quốc V thống nhất chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thanh Phong      Nguyễn Văn Trung**

**Phan Thị Mỹ Dung**